

Số: 30/2019/QĐST-HNGĐ

Cao Bằng, ngày 04 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **03/2019/TLST-HNGĐ** ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1998

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- Bị đơn: **Thân Đức C** – sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 183, tổ 03, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Chị Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1998

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 8, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

- **Anh Thân Đức C** – sinh năm 1990

Nơi đăng ký HKTT: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 183, tổ 03, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thân Đức C.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung, con tên là Thân Trí Cao – Sinh ngày 04/01/2017 (Giới tính: Nam).

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung như sau:

Chị Nguyễn Thị Thu H sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Thân Trí C1 – Sinh ngày 04/01/2017 (Giới tính: Nam) đến khi con thành niên.

Cấp dưỡng cho con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thăm nom con sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung:** Hai đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: Hai đương sự xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thân Đức C mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

Hai đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Nguyễn Thị Thu H chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước. Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0000311 ngày 04/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Cao Bằng;
- UBND P. N, TPCB (Số 35/2016);
- Chi cục THADS TP Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thúy Hằng

